

你

我叫...

好

叫

你好

什么

你好吗？

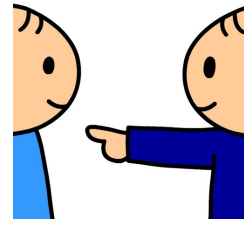
名字

我

你叫什么名字？



wǒ jiào



nǐ



jiào



hǎo



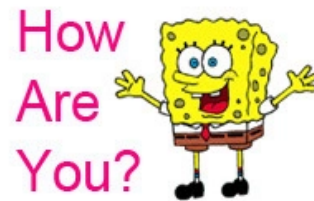
shénme



nǐ hǎo



míngzì



Nǐ hǎo ma?



© Can Stock Photo - csp15003861

Nǐ jiào shénme míngzì?



wǒ

我很好

不

谢谢

再见

谢谢你

也

马马虎虎

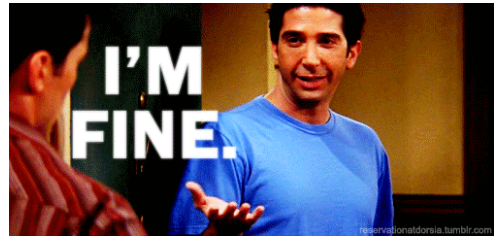
早

不客气

早上好



bù



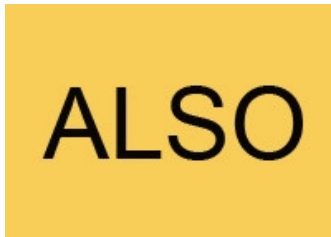
wǒ hěn hǎo



zàijiàn



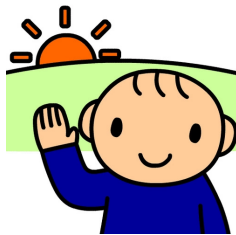
xièxie



yě



xiè xie nǐ



zǎo



mǎ mǎ hū hū



zǎo shàng hǎo



bú kèqǐ

下午好



xià wǔ hǎo